CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM
CÔNG VĂN ĐẾN Số: 2856 ngày 03/11/2026
CHUYỂN
Lãnh đạo CC.....
Phòng VP - Tâm 12
Sao.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 07/MR.BEE/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

1.Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM MR.BEE

2. Địa chỉ: Căn số 212 Thảo Nguyên, KĐT Ecopark, Xã Phụng Công, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

3. Điện thoại: 0982107659

4. E-mail: *info.mrbeefood@gmail.com*

5. Mã số doanh nghiệp: 0901206849

6. Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: *(Sản phẩm nhập khẩu)*

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Bột trà xanh Matcha - Matcha Green Tea Powder**

2. Thành phần: 85% bột trà xanh Matcha, 10% hương trà xanh tự nhiên, 4% hương trà xanh tổng hợp, 0.7% màu thực phẩm tự nhiên Phức đồng clorophyllin (INS 141i), 0.15% màu thực phẩm tự nhiên Tartrazin INS 102, 0.15% màu thực phẩm tự nhiên Indigotin (Indigocarmin) INS 132.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 02 năm kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất (NSX), hạn sử dụng (HSD), số lô sản xuất: In trên bao bì sản phẩm theo định dạng ngày/tháng/năm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 20 kg
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong bao bì kín chất liệu PP/PE/PET/AL/LLDPE, bên ngoài là thùng carton – phù hợp quy định an toàn vật liệu tiếp xúc với thực phẩm của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Nhà sản xuất: Công ty TNHH Công Nghệ Sinh Học Hihealth Tây An

Địa chỉ sản xuất: Số 88, đường Dianchang, thị trấn Shijing, quận Huyi, thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc.

Xuất xứ: Trung Quốc

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm và mẫu nhãn sản phẩm dự kiến theo quy định tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	1.0
2	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	2.0
3	Hàm lượng Cadmi (Cd)	mg/kg	1.0
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05

- QCVN 8-3:2012: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	*Coliforms*	CFU/g	10
3	*Escherichia coli*	CFU/g	10
4	*Clostridium perfringens*	CFU/g	10
5	*Bacillus cereus*	CFU/g	10
6	Tổng số nấm men nấm mốc	CFU/g	10^2

- Thông tư 50/2016/TT-BYT quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm đối với sản phẩm Trà xanh, đen:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Bifenthrin	mg/kg	30
2	Chlorpyrifos	mg/kg	2
3	Clothianidin	mg/kg	0.7
4	Cypermethrins (bao gồm alpha- and zeta -	mg/kg	15

	cypermethrin)		
5	Deltamethrin	mg/kg	5
6	Dicofol	mg/kg	40
7	Endosulfan	mg/kg	10
8	Etoxazole	mg/kg	15
9	Fenpropathrin	mg/kg	3
10	Flubendiamide	mg/kg	50
11	Flufenoxuron	mg/kg	20
12	Hexythiazox	mg/kg	15
13	Indoxacarb	mg/kg	5
14	Methidation	mg/kg	0.5
15	Paraquat	mg/kg	0.2
16	Permethrin	mg/kg	20
17	Propargite	mg/kg	5
18	Thiamethoxam	mg/kg	20

- Nghị định 37/2026/NĐ-CP Nghị định về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Thông tư 30/2026/TT-BYT: Thông tư hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP về luật an toàn thực phẩm;

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 02 tháng 11 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0901206849 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM MR.BEE
TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thụy Ngọc Nhung

MẪU NHÃN PHỤ SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1. Tên sản phẩm: **Bột trà xanh Matcha - Matcha Green Tea Powder**

2. Tên và địa chỉ của tổ chức chịu trách nhiệm về hàng hóa:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM MR.BEE

Địa chỉ: Căn số 212 Thảo Nguyên, KĐT Ecopark, Xã Phụng Công, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0982107659 E-mail: *info.mrbeefood@gmail.com*

3. Xuất xứ hàng hóa: Trung Quốc

Nhà sản xuất: Công ty TNHH Công Nghệ Sinh Học Hihealth Tây An

Địa chỉ sản xuất: Số 88, đường Dianchang, thị trấn Shijing, quận Huyi, thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc

4. Khối lượng tịnh: 20 kg

5. Số lô sản xuất: In trên bao bì sản phẩm.

6. Ngày sản xuất: In trên bao bì sản phẩm.

7. Hạn sử dụng: 02 năm kể từ ngày sản xuất.

8. Thành phần: 85% bột trà xanh Matcha, 10% hương trà xanh tự nhiên, 4% hương trà xanh tổng hợp, 0.7% màu thực phẩm tự nhiên Phức đồng clorophyllin (INS 141i), 0.15% màu thực phẩm tự nhiên Tartrazin INS 102, 0.15% màu thực phẩm tự nhiên Indigotin (Indigocarmin) INS 132.

9. Thông tin, cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm quá hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng.

10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:

Hướng dẫn sử dụng: Dùng làm nguyên liệu trong chế biến bánh, kẹo, kem, đồ uống và các sản phẩm thực phẩm khác.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh ánh sáng mạnh và nguồn nhiệt. Đậy kín bao bì sau khi mở để tránh sản phẩm bị đổi màu.

11. Thông tin dinh dưỡng trên 100 g sản phẩm:

Năng lượng: 378 kcal, Chất đạm: 18.6 g, Chất béo: 2.5 g, Carbohydrate: 70.4 g, Natri: 86 mg.

*Thành phần dinh dưỡng không thấp hơn 80% so với giá trị dinh dưỡng ghi trên nhãn.

HÌNH ẢNH NHÃN SẢN PHẨM

Product Name: Matcha Green Tea Powder

Ingredient: 85% Matcha green tea powder, 10% Natural Matcha Flavoring, 4% Artificial green tea flavour, 0.7% Chlorophyll-copper complexes (INS141i), 0.15% Tartrazine INS 102, 0.15% Indigotin (Indigocarmin) INS 132.

Directions for Use: Used in the preparation of cakes, candies, ice cream, beverages, and other food products.

Storage Instructions: Keep in cool & dry place. Stay away from strong light and heat.

Warnings: Keep tightly sealed after opening to prevent discoloration.

Manufacturer Information: Xi'an Hihealth Biotechnology Co.,Ltd

Factory Add: No.88 Dianchang Road, Shijing Town, Hu Yi District, Xi'an, Shaanxi, China

Lot No:

MFG:

EXP:

Net Weight: 20 kg; **Gross Weight**: 23 kg

Country of Origin: China

Nutrition Facts (Per 100g): Energy: 1584 kJ; Protein: 18.6 g; Fat: 2.5 g; Carbohydrate: 70.4 g; Sodium: 86 mg

VILAS 238

AR-26-VD-257213-01 / EUVNHC-00467179- Trang : 1 / 3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM MR.BEE
Căn số 212 Thảo Nguyên, KĐT Ecopark, Xã Phụng Công
Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : ZCJR2609180212-HN

Mã số mẫu : 743-2026-00255930

Mã số Eol : 005-32410-933807
Tên mẫu / Tên sản phẩm : Bột trà xanh Matcha - Matcha Green Tea Powder
Mô tả mẫu : Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu : 19/09/2026 **Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :** 25/09/2026
Thời gian kiểm nghiệm : 19/09/2026 - 26/09/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW019 VW (a) *Escherichia coli*	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VW014 VW (a) *Clostridium perfringens*	cfu/ g	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=10)
3	VW015 VW (a) *Coliforms*	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VW025 VW (a) *Bacillus cereus*	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
5	VW022 VW (a) Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008); TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
6	VW012 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	$8.0x10^1$
7	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	29.3
8	VW066 VW (a) Chất đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013	15.19
9	VW081 VW (a) Béo	%	N79-R-RD1-TP-9756 (2022) (Ref. TCVN 8136:2009 & TCVN 6555:2017)	2.68
10	VWWS6 VW Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	%	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	40.76
11	VW073 VW (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	0.051
12	VD2U9 VD (a) Chlorpyrifos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
13	VW071 VW (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	0.04
14	VW072 VW (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	0.23
15	VW074 VW (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
16	VD2UM VD (a) Bifenthrin	mg/ kg	EN 15662:2018	0.62

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00255930

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
17	VD2PD VD (a) Clothianidin	mg/ kg	EN 15662:2018	0.023
18	VD2Q0 VD (a) Cypermethrins (bao gồm alpha- và zeta - cypermethrin)	mg/ kg	EN 15662:2018	0.021
19	VD2TU VD (a) Deltamethrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
20	VD2US VD (a) Dicofol (tổng)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
21	VD2UR VD Endosulfan	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
22	VD2S9 VD (a) Etoxazole	mg/ kg	EN 15662:2018	Phát hiện vết(<0.01)
23	VD2TY VD (a) Fenpropathrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
24	VD2T7 VD (a) Flubendiamide	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
25	VD2RV VD (a) Flufenoxuron	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.05)
26	VD2RH VD (a) Hexythiazox (any ratio of constituent isomers)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
27	VD2SV VD (a) Indoxacarb	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
28	VD2TZ VD (a) Methidathion	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
29	VWL74 VW Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	307
30	VD2QU VD Paraquat	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
31	VD2R0 VD (a) Permethrin (Tổng isomers)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
32	VD2R4 VD (a) Profenofos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
33	VD2RC VD (a) Propargite	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
34	VD2SM VD (a) Thiamethoxam	mg/ kg	EN 15662:2018	0.028
35	VW07A VW (a) Tro	%	ISO 1575:1987	4.61

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00255930

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
36	VD6ZP VD (a) **Natri (Na)**	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	**36.1**
37	VW08K VW (a) **Độ ẩm**	%	ISO 1573:1980	**7.5**

Phát hiện vết: kết quả ≥ LOD và < LOQ.
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc

CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 28/09/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 28/09/2026.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

BẢN DỊCH
TRANSLATION

BẢN DỊCH NHÃN SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: Bột trà xanh Matcha - Matcha Green Tea Powder
Thành phần: 85% bột trà xanh Matcha, 10% hương trà xanh tự nhiên, 4% hương trà xanh tổng hợp, 0.7% màu thực phẩm tự nhiên Phức đồng clorophyllin (INS 141i), 0.15% màu thực phẩm tự nhiên Tartrazin INS 102, 0.15% màu thực phẩm tự nhiên Indigotin (Indigocarmin) INS 132.
Hướng dẫn sử dụng: Dùng làm nguyên liệu trong chế biến bánh, kẹo, kem, đồ uống và các sản phẩm thực phẩm khác.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh ánh sáng mạnh và nguồn nhiệt.
Cảnh báo: Đậy kín bao bì sau khi mở để tránh sản phẩm bị đổi màu.
Nhà sản xuất: Công ty TNHH Công Nghệ Sinh Học Hihealth Tây An
Địa chỉ sản xuất: Số 88, đường Dianchang, thị trấn Shijing, quận Huyi, thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc.
Số lô:
Ngày sản xuất:
Hạn sử dụng:
Khối lượng tịnh: 20 kg **Khối lượng cả bao bì**: 23 kg
Xuất xứ: Trung Quốc
Thông tin dinh dưỡng (trong 100 g): Năng lượng: 1584 kJ, Chất đạm: 18.6 g, Chất béo: 2.5 g, Carbohydrate: 70.4 g, Natri: 86 mg.

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM MR.BEE
(Đã ký tên đã đóng dấu đại diện tổ chức)
Giám đốc: Nguyễn Thụy Ngọc Nhung

Tôi, Đinh Thị Hòe, CCCD số: 040192044082 Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 09/12/2022; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Anh sang tiếng Việt.**

Ngày 28 tháng 10 năm 2026

Người dịch ký và ghi rõ họ tên

Đinh Thị Hoè

Ngày 28 tháng 10 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày hai mươi tám, tháng mười, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tôi, Nguyễn Đức Tuấn là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

CHỨNG THỰC

- Bà Đinh Thị Hòe là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Văn bản chứng thực này được lập thành 03 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 01 tờ, 01 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số chứng thực: 160641 - **Quyển số: 01/2026 - SCT/CKND**

Người thực hiện chứng thực

Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ.T.C.T.T.D * VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ * P.Ô CHỢ DỪA - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Đức Tuấn

HÌNH ẢNH NHÃN SẢN PHẨM

Product Name: Matcha Green Tea Powder

Ingredient: 85% Matcha green tea powder, 10% Natural Matcha Flavoring, 4% Artificial green tea flavour, 0.7% Chlorophyll-copper complexes (INS141i), 0.15% Tartrazine INS 102, 0.15% Indigotin (Indigocarmin) INS 132.

Directions for Use: Used in the preparation of cakes, candies, ice cream, beverages, and other food products.

Storage Instructions: Keep in cool & dry place. Stay away from strong light and heat.

Warnings: Keep tightly sealed after opening to prevent discoloration.

Manufacturer Information: Xi'an Hihealth Biotechnology Co.,Ltd

Factory Add: No.88 Dianchang Road, Shijing Town, Hu Yi District, Xi'an, Shaanxi, China

Lot No:

MFG:

EXP:

Net Weight: 20 kg; **Gross Weight**: 23 kg

Country of Origin: China

Nutrition Facts (Per 100g): Energy: 1584 kJ; Protein: 18.6 g; Fat: 2.5 g; Carbohydrate: 70.4 g; Sodium: 86 mg

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM MR.BEE
(Đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0901206849 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM MR.BEE
TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thụy Ngọc Nhung

Bản dịch Phiếu kết quả phân tích

BẢN DỊCH
TRANSLATION

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC HIHEALTH TÂY AN

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên sản phẩm	Bột matcha	**Ngày sản xuất**	10/10/2025
Số lô	HH-MC-2025101001	**Hạn sử dụng**	09/10/2027
Nguồn gốc thực vật	Camellia sinensis (cây chè)	**Bộ phận sử dụng**	Lá chè xanh
Tá dược	Không có	**Xuất xứ**	Trung Quốc
Mô tả sản phẩm	Lá chè xanh, được xay nghiền thành bột mịn màu xanh lục tươi sáng.		

Chỉ tiêu	**Yêu cầu**	**Kết quả**	**Phương pháp thử**
Cảm quan – Ngoại quan	Màu xanh vàng, hạt mịn, đồng đều, không vón cục, không mốc	Đạt	Đánh giá cảm quan
Mùi và vị	Vị hơi đắng, hương trà đậm, nước pha màu xanh vàng	Đạt	Đánh giá cảm quan
Màu nước pha	Xanh vàng	Đạt	Đánh giá cảm quan
Kích thước hạt (D60), μm	≤ 18	Đạt	Phương pháp phân bố kích thước hạt bằng laser
Khối lượng thể tích đổ đống, g/L	Chảy tự do: 430–470 g/L	440	GB/T 18798.5-2013
Hao hụt khối lượng khi sấy, %	< 6,0%	4,79%	Sấy 3 giờ ở 105 □
Tro/Cặn sau nung, %	< 8,0%	5,31%	GB 5009.3-2016
L-theanin	≥ 0,5%	1,23%	HPLC (sắc ký lỏng hiệu năng cao)
Chì (Pb), mg/kg	≤ 5,0	0,51	GB 5009.12-2017 (AAS – quang phổ hấp thụ nguyên tử)
Tổng số vi sinh vật hiếu khí	< 15.000 cfu/g	< 12.000 cfu/g	ISO 4833-1-2013
Nấm mốc và nấm men	< 300 cfu/g	50 cfu/g	GB 4789.15-2016
Enterobacteriaceae (họ vi khuẩn đường ruột)	< 10 cfu/g	< 10 cfu/g	GB 4789.3-2016
E. coli	Không có/g	Không có/g	ISO 16649-2-2001
Salmonella	Không có/10 g	Không có/10 g	GB 4789.4-2016
Staphylococcus	Không có/10 g	Không có/10 g	GB 4789.10-2016

Chỉ tiêu	Yêu cầu	Kết quả	Phương pháp thử
aureus (tụ cầu vàng)			
Kết luận	Phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật.		
Đóng gói và bảo quản	Đóng trong thùng giấy, bên trong có hai lớp túi nhựa; 20 kg/thùng carton. Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh sáng mạnh và nhiệt.		
Hạn sử dụng	Hai năm nếu được niêm phong kín và bảo quản tránh ánh nắng mạnh và nhiệt.		

Người kiểm nghiệm: Zhang Shiyi

Người phê duyệt: Tian Jingyun

Con dấu: Công ty TNHH Công nghệ Sinh học Hihealth Tây An

QC PASS (Đạt kiểm soát chất lượng) – (Đã đóng dấu xác nhận chuyên dùng của bộ phận chất lượng)

Chứng nhận/logo trên bản gốc: FSSC 22000, ISO 22000, cGMP, Kosher, HACCP, Halal.

Email: sales@hihealthbio.com | Điện thoại: +86-29-81142779 | Website: www.hihealthbio.com

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM MR.BEE

(Đã ký tên đã đóng dấu đại diện tổ chức)

Giám đốc: Nguyễn Thụy Ngọc Nhung

Tôi, Đinh Thị Hòe, CCCD số: 040192044082 Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 09/12/2022; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Anh sang tiếng Việt.**

Ngày 28 tháng 10 năm 2026

Người dịch ký và ghi rõ họ tên

Đinh Thị Hoè

Ngày 28 tháng 10 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày hai mươi tám, tháng mười, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tôi, Nguyễn Đức Tuấn là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

CHỨNG THỰC

- Bà Đinh Thị Hòe là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Văn bản chứng thực này được lập thành 03 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 02 tờ, 02 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số chứng thực: 160642 - **Quyển số: 01/2026 - SCT/CKND**

Người thực hiện chứng thực
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu
CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ.T.T.P. HÀ NỘI
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ
P. Ô CHỢ DỪA - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Đức Tuấn

Certificate of Analysis

Product Name	Matcha Powder	Manufacture Date	2025.10.10
Batch Number	HH-MC-2025101001	Expiry Date	2027.10.09
Botanical Source	Camellia Sinensis	Part Used	Green Tea Leaf
Excipient	None	Country of Origin	China
Product Description	Green tea leaf(Camellia Sinensis), milled into bright green fine powder		

Item	Requirements	Results	Test Method
Appearance	Yellowish-green in colour, with a fine, uniform grain; free from lumps and mould	Conforms	Organoleptic Evaluation
Aroma and Flavour	Slightly bitter taste, rich tea flavour and yellow-green liquor	Conforms	Organoleptic Evaluation
Liquor Colour	Yellow-green	Conforms	Organoleptic Evaluation
Particle size/ (D60) /μm	≤18	Conforms	Laser Particle Size Distributor
Bulk Density, g/L	Free Flow:430-470g/L	440	GB/T18798.5-2013
Loss on drying, %	LT 6.0%	4.79%	3 hours@105℃
Ash/Residue on Ignition, %	LT 8.0%	5.31%	GB 5009.3-2016
L-theanine	≥0.5%	1.23%	HPLC
Lead(Pb)/ (mg/kg)	≤5.0	0.51	GB5009.12-2017(AAS)
Total Plate Count	LT15,000 cfu/g	LT12000 cfu/g	ISO 4833-1-2013
Moulds and Yeasts	LT300 cfu/g	50 cfu/g	GB4789.15-2016
Enterobacteriaceae	LT10 cfu/g	LT10 cfu/g	GB4789.3-2016
E.coli	Absent/g	Absent/g	ISO 16649-2-2001
Salmonella	Absent/10g	Absent/10g	GB4789.4-2016
Staphylococcus aureus	Absent/10g	Absent/10g	GB4789.10-2016

Conclusion	Conform with the specification
Packaging&Storage	Packed in paper-drums and two plastic-bags inside, 20KGs/Carton. Keep in cool & dry place. Stay away from strong light and heat.
Shelf Life	Two years if sealed and stored away from strong sun light and heat.

Tested by: Zhang Shiyi

Approved by: Tian Jingyun

M.S.D.N:0901206849-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM MR.BEE TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thụy Ngọc Nhung

Xi'an Hihealth Biotechnology Co.,Ltd 西安诺众康健生物科技有限责任公司 QC PASS 质量专用章